



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 18 (01/05-05/05/23)

*Liệu Deutsche Bank có trở thành
Credit Suisse tiếp theo?*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tăng sau kỳ Nghỉ Lễ nhưng chưa thoát khỏi kênh giá tích lũy*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Liệu Deutsche Bank có trở thành Credit Suisse tiếp theo?*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng*
4. PTKT VN-INDEX: *Hồi phục từ 1,030 điểm, VN-Index trở lại giữa kênh giá tích lũy*
5. TIN VĨ MÔ: *Hoa Kỳ: GDP tăng trưởng 1.1% trong quý 1*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Tài nguyên Cơ bản +3.30%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tăng sau kỳ Nghỉ Lễ nhưng chưa thoát khỏi kênh giá tích lũy

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1049.12	0.60%
GTGD/phiên (tỷ VND)	7,966.03	4.46%
Khối ngoại (tỷ VND)	17.88	
HNX-INDEX	207.48	0.27%
GTGD/phiên (tỷ VND)	950.71	-0.19%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1.03	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4169.48	0.83%	0.87%	2.93%
EU (EURO STOXX)	4359.31	0.03%	-1.12%	3.03%
China (SHCOMP)	3323.28	1.14%	0.67%	1.90%
Japan (NIKKEI)	28856.44	1.40%	1.02%	2.91%
Korea (KOSPI)	2501.53	0.23%	-1.68%	1.00%
Singapore (STI)	3270.51	-0.35%	-1.54%	0.41%
Thailand (SET)	1529.12	-0.14%	-1.88%	-4.84%
Phillipines (PCOMP)	6625.08	0.63%	1.60%	0.46%
Malaysia (KLIC)	1415.95	-0.15%	-0.64%	-0.31%
Indonesia (JCI)	6915.72	-0.43%	1.42%	3.35%
Vietnam (VNIndex)	1049.12	0.91%	0.60%	-1.46%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2304	0.00	-100.00%	20,149	52,293
VN30F2305	1042.50	-0.85%	71	2,431
VN30F2306	1032.10	-1.84%	4	294
VN30F2309	1036.70	-1.40%	10	87

TTCK VIỆT NAM

Bật tăng từ vùng giá thấp, thanh khoản yếu trước kỳ nghỉ Lễ

Đảo chiều giữa tuần, VN-Index ghi nhận mức tăng nhẹ 0.6% trước kỳ nghỉ Lễ. Diễn biến trong tuần khá kịch tích và có 2 mảng màu tương phản. Nếu như đầu tuần thị trường giảm do sức ép bán ra từ NĐT trong nước và khối ngoại thì nửa cuối tuần hoạt động mua vào kỳ vọng sau kỳ nghỉ lại tăng thế, đẩy VN-Index trở lại vùng giữa của kênh giá tích lũy 1,050 ± 30 điểm. Thị trường tiếp tục phân hóa với 53% cổ phiếu và 10/19 ngành tăng điểm. Đà tăng tập trung vào một cổ phiếu có KQKD quý I nổi bật thuộc ngành Tài nguyên cơ bản, y tế và dầu khí trong khi ngành ô tô phụ tùng, công nghệ thông tin và bảo hiểm giảm điểm. Tính từ đầu năm VN-Index vẫn vận động kênh giá tích lũy và hiện tại chưa có một ngành lớn đóng vai trò dẫn dắt tạo xu hướng. Do vậy diễn biến giằng co và giao dịch phân hóa còn diễn ra trong mùa KQKD quý I.

Tính đến 28/4, 2 sàn HSX và HNX đã có 472 công ty, chiếm tỷ lệ 63%, đã công bố KQKD quý I với mức tăng trưởng lợi nhuận cùng kỳ 0.2%. Tuy nhiên nếu không xét phần lợi nhuận đột biến từ VHM thì LNST toàn thị trường giảm 16%. 2 sàn có 38% công ty tăng trưởng và 17% công ty thua lỗ trong quý I. 12/30 công ty trong nhóm VN30 có mức tăng trưởng lợi nhuận 25.5% yoy (tăng trưởng 3% nếu không tính VHM). 9/19 cổ phiếu ngân hàng có LNST tăng trưởng 1.6% yoy. VHM, ACB, VRE, MBB và FPT đóng góp lợi nhuận tăng trưởng lớn nhất cho thị trường, ngược lại VIC, DCM, TCB, VND, DGC có tăng trưởng âm. Mùa công bố KQKD quý I đã đi được gần 2/3 quãng đường, nhìn chung ngoại trừ VHM thì các cổ phiếu trong VN30 và ngân hàng gần như không có tăng trưởng so cùng kỳ. Trong tuần tới các công ty còn lại sẽ tiếp tục công bố KQKD và hiệu ứng thông tin sẽ bão hòa trong tuần tới.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ giảm do trước tin tốt và xấu lẫn lộn trước kỳ họp FED

Các thị trường Hoa Kỳ tăng tốt trong phiên 28/4 ngay sau phiên giảm từ tâm lý lo ngại ngân hàng First republic. Tính chung tuần giao dịch, ngoại trừ chỉ số Nasdaq tăng nhờ nhóm công nghệ có KQKD quý I nổi bật thì các chỉ số còn lại giảm nhẹ. Sau một nhịp tăng tốt, CK Châu Âu điều chỉnh giảm 1.2% của EU600 và TTCK Ý, Pháp dẫn đầu đà giảm lần lượt 3.3% và 1.9%. TTCK Nhật Bản tiếp tục tăng 1% dẫn dắt đà tăng của khu vực. Hầu hết TTCK Châu Á tăng điểm trong khi TT Thái Lan và Singapore giảm 1.9% và 1.5%. TT hàng hóa nổi dài chuỗi giảm thêm 2.3%. Giá dầu, thép, quặng sắt, gỗ, chè, bông là những mặt hàng giảm từ 4.5% đến 11%. Đặc biệt giá thép HRC giảm mạnh 13%, nâng mức giảm lên 18% trong tháng 4. Đi ngược với thị trường hàng hóa, USD Index tăng thêm 0.18%. USD tăng khá so với JPY và không biến động mạnh so với các đồng tiền khác. Tuần sau cùng mùa công bố KQKD, cuộc họp FED sẽ có ảnh hưởng lớn đến diễn biến các thị trường.

GDP Hoa Kỳ tăng 1.1% quý I, thấp hơn mức kỳ vọng 2% của chuyên gia. Chỉ số tiêu dùng cá nhân vẫn tăng tốt 4.2% cao hơn kỳ vọng 3.7%. 2 dữ liệu quan trọng cho thấy tăng trưởng Hoa Kỳ chậm lại, áp lực lạm phát vẫn còn khi nhu cầu mạnh và giá vẫn tăng. Ngày 28/4 và 1/5, FED và FIDC ấn định thời điểm công bố báo cáo giám sát ngân hàng Silicon Valley bank (SVB). SVB phá sản vào tháng 3 đã làm suy giảm nghiêm trọng niềm tin đầu tư vào ngành Ngân hàng. Hiện tại nỗi lo sợ vẫn còn hiện hữu khi cổ phiếu ngân hàng First republic Bank (FRB) lao dốc 49% sau báo cáo tài chính cho thấy người dân đã rút hơn 100 tỷ USD sau hiệu ứng sụp đổ từ SVB. Cùng với các dữ liệu kinh tế, thị trường kỳ vọng FED có thể sớm kết thúc chiến dịch nâng lãi suất. Tuy nhiên thị trường vẫn có sự đồng thuận lớn về khả năng tăng lãi suất thêm 0.25% trong kỳ họp tháng 5 theo những tuyên bố mới nhất của các thành viên FED.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: Liệu Deutsche Bank có trở thành Credit Suisse tiếp theo?

Sự sụp đổ của Credit Suisse (CS) sau thương vụ sáp nhập vào UBS với thời gian kỷ lục phần nào đã làm dịu bớt đi sự lo lắng về một cuộc khủng hoảng trong lĩnh vực ngân hàng, tuy nhiên chú ý lại đổ dồn về phía Deutsche Bank (DB) – ngân hàng lớn nhất của Đức. Hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng (CDS) các kỳ hạn tăng vọt và giá cổ phiếu của DB chứng kiến sự sụt giảm lớn, giới đầu tư lo ngại DB có thể sẽ là “nạn nhân” tiếp theo sau CS, liệu điều này có cơ sở hay chỉ là hiện tượng tâm lý sợ hãi nhất thời?

1. Deutsche Bank và những thăng trầm

Đồ thị 01: Diễn biến giá cổ phiếu DB và các sự kiện liên quan từ 1992 - nay



Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

Ngân hàng lớn nhất của Đức nổi tiếng toàn cầu về những vụ bê bối đồng thời đã phải trả những khoản tiền phạt khổng lồ để bù đắp cho những hành vi sai trái của mình sau giai đoạn tăng trưởng.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Liệu Deutsche Bank có trở thành Credit Suisse tiếp theo?

- Sa lầy trong các vụ kiện tụng và bị nhiều quốc gia áp dụng các biện pháp cưỡng chế pháp lý
- **Vai trò dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính 2008:** DB là một trong những ngân hàng có sai phạm lớn dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008 khi đã đánh lừa nhà đầu tư, tổng hợp và bán những sản phẩm tài chính chất lượng thấp nhưng lại xếp hạng ở mức an toàn và phân phối ra thị trường trong giai đoạn từ 2005-2007. Vào năm 2016, DB đã đạt được thỏa thuận với Bộ Tư pháp Hoa Kỳ trị giá **7.2 tỷ USD** bao gồm: 3.1 tỷ USD tiền phạt dân sự và 4.1 tỷ USD tiền cứu trợ cho người tiêu dùng đã mua các khoản chứng khoán thế chấp bằng nhà ở dưới chuẩn tại Hoa Kỳ (MBS). Trong giai đoạn này, Credit Suisse cũng đạt được thỏa thuận trả 5.28 tỷ USD, Goldman Sachs trả 5 tỷ USD... cho chính phủ Hoa Kỳ.
 - **Bê bối gián điệp:** Năm 2009 DB thừa nhận đã thuê một công ty thám tử để theo dõi những người được coi là mối đe dọa đối với ngân hàng bao gồm cả cổ đông và nhà quản lý cấp cao DB.
 - **Thao túng lãi suất Libor:** Năm 2015 DB đồng ý trả tiền phạt khoảng **2.5 tỷ USD** cho chính quyền Hoa Kỳ và Vương Quốc Anh trong việc thao túng lãi suất Libor trong khoảng thời gian **từ 2005-2009**, đồng thời DB sa thải các nhân viên có hành vi sai trái (bao gồm cả giám đốc và Phó chủ tịch) và thiết lập một cơ quan giám sát độc lập. Các ngân hàng khác gồm UBS (Thụy Sĩ), Barclays (Anh) cũng liên quan đến vụ việc này với số tiền phạt lần lượt là 1.5 tỷ USD và 453 triệu USD.
 - **Tạo điều kiện cho hoạt động rửa tiền:** DB xuất hiện trong “Hồ sơ Panama” năm 2016 khi được xem là ngân hàng giúp khách hàng của mình chuyển tiền từ các hoạt động tội phạm đến các thiên đường thuế. Năm 2017, Deutsche Bank đã bị các cơ quan tài chính của Hoa Kỳ và Vương quốc Anh phạt tổng cộng **630 triệu đô la** (553,5 triệu euro) vì cáo buộc rửa tiền ra khỏi Nga với số tiền ước tính khoảng **10 tỷ USD**.
 - **Vi phạm lệnh trừng phạt kinh tế của Hoa Kỳ:** DB bị cáo buộc thực hiện các giao dịch thanh toán bù trừ cho khách hàng của mình ở các quốc gia (Iran, Syria, Libya và Sudan), đồng thời sử dụng "các phương pháp và thông lệ không minh bạch" để ngụy trang 27.200 giao dịch trong thời gian từ 1999 – 2006 với tổng số tiền lên đến **10.9 tỷ USD**. Đây là hành động không được phép theo luật cấm giao dịch kinh doanh với các quốc gia bị cáo buộc tài trợ khủng bố mà Hoa Kỳ công bố. Năm 2015, DB chịu phạt **258 triệu USD** cho hành động này.
 - Trong những năm gần đây, DB tiếp tục dính líu trong các bê bối tham nhũng tại Quỹ đầu tư Malaysia, hỗ trợ rửa tiền (trong vai trò là ngân hàng đại lý của Danske Bank), xử lý giao dịch không đúng quy chuẩn của UBCKGD Hoa Kỳ (SEC), thiếu giám sát trong các hoạt động giao dịch hàng hóa, ngoại hối, bị tẩy chay quy mô lớn liên quan đến CTQL tài sản DWS... những sự việc này khiến DB phải chịu phạt số tiền không nhỏ và tiếp tục tổn hại đến uy tín. Mới đây nhất vào T07/2022, DB tiếp tục vướng vào gian lận thuế khi vi phạm quy định cho phép khách hàng bòn rút hàng triệu euro doanh thu của Chính phủ. Mặt khác, DB hiện đang lún sâu vào các cuộc tranh cãi gay gắt với cơ quan giám sát tài chính BaFin của Đức về việc sửa chữa các biện pháp kiểm soát chống rửa tiền yếu kém mặc dù DB đã chi hơn 2 tỷ euro để cố gắng khắc phục những sự cố này trong 5 năm qua, liên tục thay đổi các nhà quản lý chủ chốt và đại tu tổ chức nội bộ của mình.

2. Công cuộc cải tổ bộ máy và những thành quả ban đầu

DB đã trải qua một quãng thời gian nhiều bê bối và tranh cãi nhưng tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của DB đã được cải thiện sau một chương trình tái cấu trúc lớn, trong đó DB cắt giảm mảng hoạt động của ngân hàng đầu tư và bán hàng tỷ đô la tài sản “độc hại”.

2.1. Tình hình tài chính

Bảng 01: Một số chỉ tiêu tài chính của DB từ 2013 - 2022

Đơn vị: trUSD	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tài sản										
Tổng tài sản	2,221,959	2,067,531	1,771,941	1,677,549	1,772,923	1,543,886	1,457,158	1,620,129	1,507,498	1,431,834
Tổng nợ	380,940	306,626	351,740	297,796	336,462	325,023	254,748	303,160	298,159	258,495
% Tỷ trọng	17%	15%	20%	18%	19%	21%	17%	19%	20%	18%
Tổng tiền gửi	727,714	644,847	616,074	580,300	698,252	646,357	642,532	694,418	687,430	665,642
% Tỷ trọng	33%	31%	35%	35%	39%	42%	44%	43%	46%	46%
Tỷ số										
NIM %	1.46	1.55	1.79	1.77	1.60	1.76	1.92	1.66	1.61	1.92
CIR %	90.01	88.41	115.9	99.6	93.86	93.48	108.77	88.74	85	75.36
ROE %	1.23	2.60	-9.52	-2.09	-1.13	0.40	-8.44	0.82	3.73	8.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



CHUYÊN MỤC TUẦN: Liệu Deutsche Bank có trở thành Credit Suisse tiếp theo?

- + **NIM ghi nhận sự cải thiện:** tỷ lệ NIM 2019 đạt 1.92%, sau đó giảm xuống 1.61% vào năm 2021 và quay trở lại mức 1.92% vào năm 2022.
- + **CIR giảm rõ rệt:** CIR giảm từ 108.77% vào năm 2019 xuống còn 75.36% vào năm 2022. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy DB đã thực hiện thành công chính sách giảm chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành trong quá trình tái cấu trúc.
- + **Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE %) có sự cải thiện:** có sự khởi sắc từ năm 2018 với 0.40% và đạt mức cao nhất vào năm 2022 với 8.07%.

2.2 Cơ cấu doanh thu

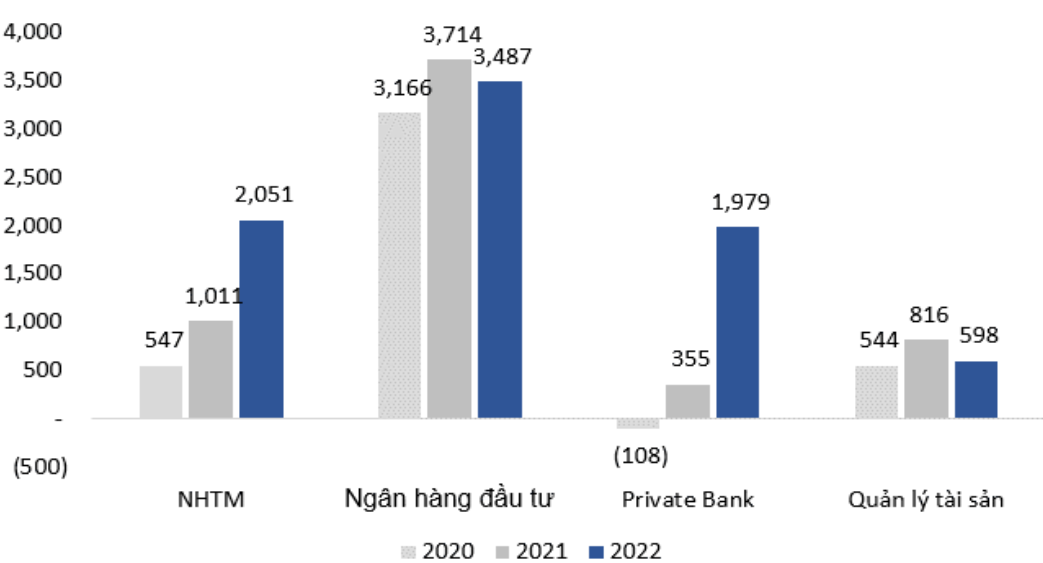
Năm 2022, lợi nhuận ròng của DB đã tăng hơn gấp đôi lên 5.7 tỷ euro, vượt kỳ vọng của các nhà phân tích hơn 1 tỷ euro. Doanh thu và lợi nhuận đạt mức cao nhất trong 15 năm vào năm 2022, phần lớn là nhờ hoạt động giao dịch có thu nhập cố định trong môi trường lãi suất tăng cao và thị trường biến động mạnh. Bên cạnh đó, DB tiếp tục đưa mục tiêu cắt giảm chi phí khoảng 2 tỷ Euro vào 2025 đồng thời không loại trừ thêm việc cắt giảm việc làm trong tương lai.

Bảng 02: Cơ cấu doanh thu của Deutsche Bank từ 2020 - 2022

Đơn vị: Tr. EUR	2020	2021	2022
NHTM	5,146	5,151	6,335
Ngân hàng đầu tư	9,286	9,631	10,016
Private Bank	8,126	8,234	9,155
Quản lý tài sản	2,229	2,708	2,608
Khác	-534	-340	-877
DTT	24,253	25,384	27,238

Nguồn: Deutsche Bank, BSC Research

Đồ thị 02: Lợi nhuận trước thuế theo lĩnh vực của Deutsche Bank



Nguồn: Deutsche Bank, BSC Research

Theo phân loại theo lĩnh vực kinh doanh, mảng ngân hàng đầu tư (IB) là hoạt động kinh doanh chủ lực với mức doanh thu cao nhất trong cả ba năm. Cụ thể, doanh thu của IB tăng từ 9,286 triệu Euro vào năm 2020 lên 9,631 triệu Euro vào năm 2021 và tiếp tục tăng lên 10,016 triệu Euro vào năm 2022.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Liệu Deutsche Bank có trở thành Credit Suisse tiếp theo?

2.3. Mức độ an toàn tài chính

Bảng 03: Một số chỉ tiêu tài chính của DB, CS và khu vực Eurozone

	Deutsche Bank	Credit Suisse	Tỷ lệ phổ biến tại Eurozone
CET1 %	13.4	14.1	14.74% (Q3.2022)
LCR %	142	144	166% (T6.2022)
LDR %	81.45	52.64	104.8% (Q3.2022)
Lợi nhuận (tỷ USD)	5,525	-7,293	
Tổng tài sản (tỷ USD)	1,336	531	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Theo tiêu chuẩn Basel III, tỷ lệ CET1 tối thiểu là 4.5%, với đặc thù tập trung vào lĩnh vực ngân hàng đầu tư, cả Deutsche Bank và Credit Suisse đều có tỷ lệ CET1% cao và đáp ứng yêu cầu của Basel III. Tính tới cuối năm 2022, tỷ lệ CET1 của Deutsche Bank ở mức 13.4% - thấp hơn so với tỷ lệ phổ biến tại khu vực Eurozone. Trong khi tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh toán LCR ở mức 142% và tỷ LDR đạt 81.45%. Tất cả các con số này cho thấy, chưa xuất hiện rủi ro liên quan tới khả năng thanh toán và vị thế thanh khoản của DB.

Nhận xét: Quá trình tái cấu trúc của DB đã có những tín hiệu tích cực trong việc tối ưu hoá NIM, giảm CIR và tăng ROE. Các mảng hoạt động lớn nhất của DB là Ngân hàng đầu tư và Private Bank, chiếm gần 70% tổng doanh thu, trong khi đó hoạt động NHTM cũng chiếm một tỷ trọng không nhỏ - khoảng 20%. Nhìn chung hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính của DB đều có sự cải thiện trong thời gian qua.

3. Liệu có trở thành phiên bản Credit Suisse 2.0?

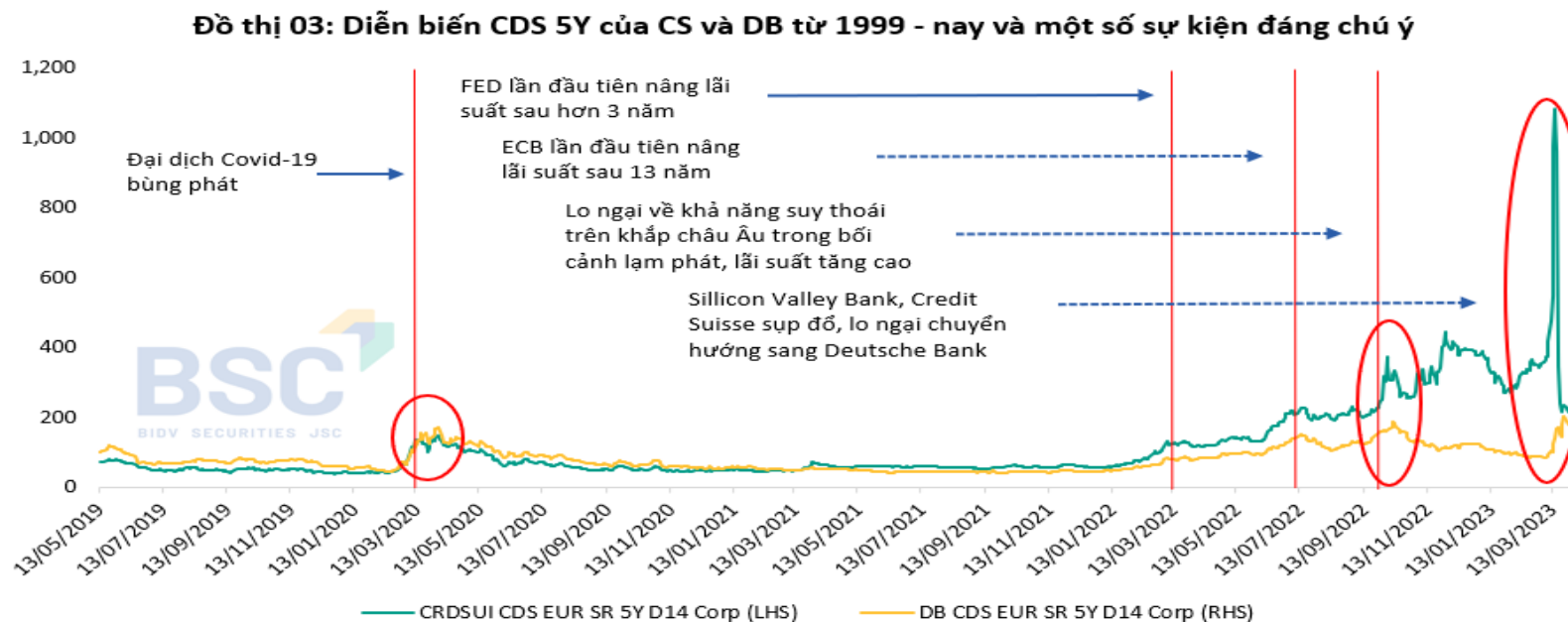
Bảng 04: Thông tin cơ bản về DB, CS và Silicon Valley Bank

	Deutsche Bank	Credit Suisse	Silicon Valley Bank
Vị thế	- Ngân hàng lớn nhất Đức, thuộc Top 30 Ngân hàng trong hệ thống G-SIBS - Xếp hạng 21 ngân hàng toàn cầu	- Ngân hàng lớn thứ 2 Thụy Sĩ, thuộc Top 30 Ngân hàng trong hệ thống G-SIBS - Xếp thứ 45 toàn cầu về tổng tài sản	Ngân hàng xếp thứ 16 tại Hoa Kỳ
Quy mô	- Hơn 85 nghìn nhân viên, hoạt động gần 60 quốc gia; - Tổng tài sản 1,431 tỷ USD (2022), quản lý tài sản với danh mục khoảng 1.500 tỷ USD - Lợi nhuận ròng (2022): 5.7 tỷ USD	- Hơn 50 nghìn nhân viên, hoạt động tại 50 quốc gia; - Tổng tài sản 574 tỷ USD (2022), quản lý tài sản với danh mục khoảng 1.700 tỷ USD	- Tài sản 211.9 tỷ USD, nguồn vốn 16.3 tỷ USD, Nợ, 195.5 tỷ USD
Hoạt động kinh doanh	Lĩnh vực ngân hàng đầu tư, quản lý tài sản, ngân hàng thương mại, Private Bank	Lĩnh vực ngân hàng đầu tư, quản lý tài sản, quản lý gia sản, ngân hàng Thụy Sĩ	Phục vụ các khách hàng Start-up, công ty công nghệ. Đầu tư vào các tài sản như trái phiếu và chứng khoán dài hạn
Một số chỉ tiêu tài chính (2022)	- NIM: 1.92%, CIR: 75.36%, ROE: 8.07%, Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1: 13.4%	- NIM: 1.18%, CIR: 121.7%, ROE: -16.1%, Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1: 14.1%	- NIM: 2.16%, CIR: 58.1%, ROE: 12.1%, Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1: 12.05%

Nguồn: Tổng hợp BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Liệu Deutsche Bank có trở thành Credit Suisse tiếp theo?

3.1. Nguyên nhân sự lo ngại chuyển hướng sang DB



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

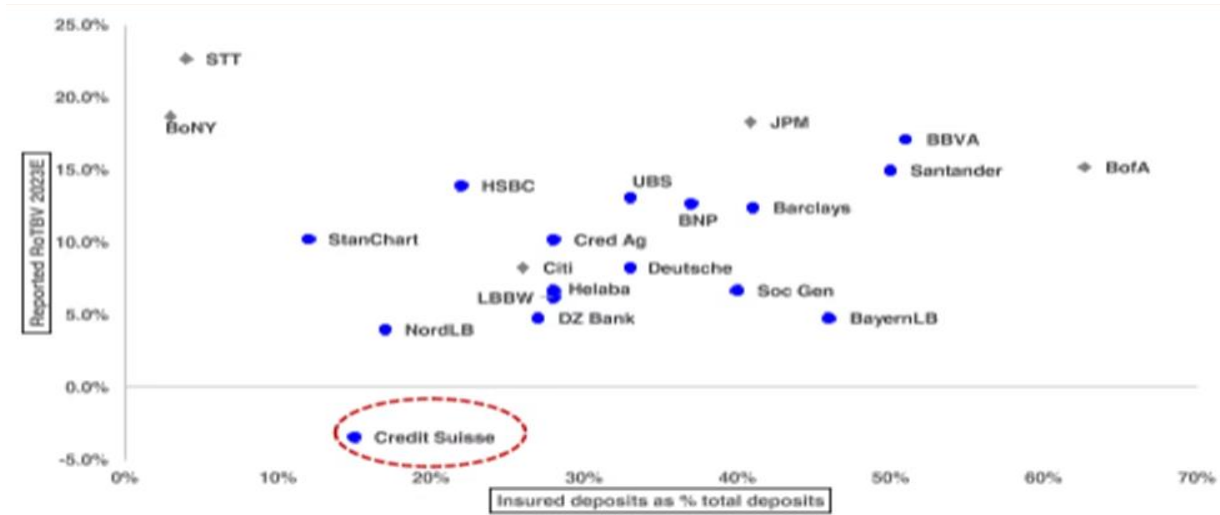
- **Thứ nhất:** Sau sự sụp đổ của Silicon Valley Bank (Hoa Kỳ) và mới đây nhất là Credit Suisse (Thụy Sĩ) kết hợp trong bối cảnh điều kiện môi trường lãi suất tiếp tục duy trì ở mức cao như hiện tại, nhà đầu tư trên thế giới đang lo lắng về sự bất ổn tiềm tàng của hệ thống ngân hàng bên cạnh khả năng suy thoái có thể sẽ xảy ra trong khu vực Liên minh châu Âu cũng như Hoa Kỳ.
- **Thứ hai:** Sự việc “xóa sổ” 17.4 tỷ USD trái phiếu AT1 tại CS sau khi sáp nhập vào UBS khiến giới đầu tư lo ngại về thị trường này nói riêng cũng như những nguy hiểm về một hiệu ứng domino dây chuyền có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Mặt khác, động thái DB mua lại trái phiếu lại bị xem là một hành động mang tính tiêu cực khiến giới đầu tư “lo lắng phi lý” về DB.
- **Thứ ba:** Nhà đầu tư hiện xuất hiện trạng thái tâm lý “dò tìm” xem “yếu điểm” tiếp theo đang nằm ở đâu trong các mắt xích của hệ thống ngân hàng. Điều này khiến sự chú ý chuyển hướng sang DB sau sự sụp đổ của CS – điều tương tự đã xảy ra trong giai đoạn T10/2022. Hiện tại một số lo ngại tập trung vào các khoản đầu tư bất động sản thương mại tại Hoa Kỳ và các khoản đầu tư phái sinh của DB.

3.2. Sự khác biệt cơ bản giữa DB và CS ở thời điểm hiện tại

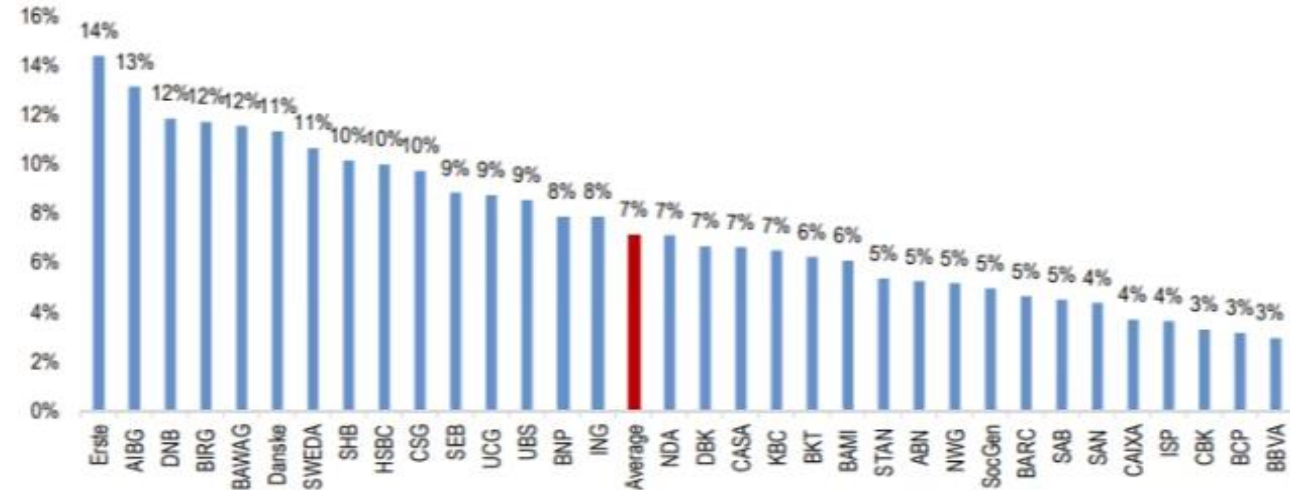
- **Thứ nhất: Nỗ lực cải tổ bộ máy gặt hái được những kết quả ấn tượng:** DB tập trung vào việc cắt giảm chi phí và cải thiện lợi nhuận là một trong những ưu tiên lớn. Bên cạnh việc giảm thiểu các hoạt động, tài sản kém hiệu quả - điểm nhấn là thành lập 1 “bad bank” trị giá 280 tỷ Euro, hạn chế sử dụng đòn bẩy cao, các công cụ phái sinh rủi ro, tiếp tục các biện pháp ngăn chặn gian lận, tăng cường kiểm soát, giám sát nội bộ. Kết quả thay đổi được thể hiện qua hành động đầu tư thêm 500 triệu euro đến từ Capital Group (Hoa Kỳ) bên cạnh doanh thu, lợi nhuận 2022 ghi nhận con số cao nhất trong 15 năm trở lại.
- **Thứ hai: Điểm khác biệt chính là lợi nhuận,** trong khi DB hướng đến mục tiêu lợi nhuận cao hơn trong 2023 thì CS gần như không có triển vọng. Các chỉ tiêu an toàn tài chính của DB đều đạt mức ổn định và không gặp rủi ro lãi suất cao hơn mức trung bình của các ngân hàng tại châu Âu.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Liệu Deutsche Bank có trở thành Credit Suisse tiếp theo?

Đồ thị 04: Tỷ lệ tiền gửi được bảo đảm và hệ số RoTBV 2023E của một số ngân hàng Châu Âu



Đồ thị 05: Tỷ lệ cho CRE trên tổng dư nợ một số ngân hàng



Source: Company data, J.P. Morgan estimates, EBA data June 2021 or latest available company data.

*Ghi chú: RoTVB: Tỷ suất lợi nhuận trên giá trị sổ sách hữu hình

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

- **Thứ ba: Mối quan tâm đến hoạt động cho vay BĐS thương mại (CRE) tại Hoa Kỳ.** Theo JPMorgan và Autonomous đánh giá, tỷ lệ CRE của DB khoảng 7% (khoảng 33 tỷ Euro, trong đó có khoảng 50% tài sản tại Hoa Kỳ) – tỷ lệ này hiện tại vẫn đang thấp hơn so với trung bình của ngành và DB có khả năng quản lý được rủi ro danh mục đầu tư này (Đồ thị 05).

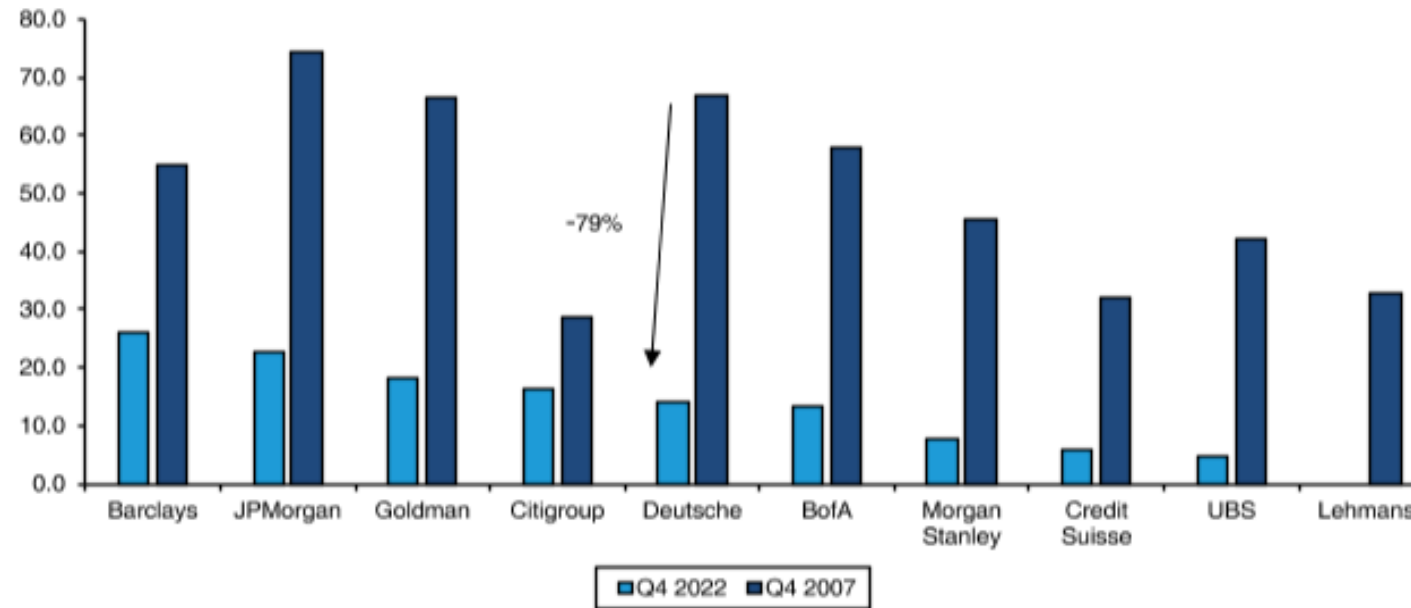
Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

- **Thứ tư: Giá trị hoạt động phái sinh lớn tuy nhiên mức độ tương đồng với các ngân hàng đầu tư khác.** Theo nghiên cứu của Autonomous, mặc dù giá trị tài sản phái sinh của DB vẫn lớn - hiện có khoảng 14 nghìn tỷ USD tài sản phái sinh không có rủi ro tín dụng đối tác - tuy nhiên so với năm 2007 thì con số này đã thấp hơn rất nhiều và hiện tại không khác biệt so với danh mục đầu tư của các ngân hàng lớn khác trên thế giới (Đồ thị 06).

Nhận xét: Ngày 24/03/2023, thủ tướng Đức Olaf Scholz đã bác bỏ sự so sánh liên quan giữa Deutsche Bank và Credit Suisse sau khi cổ phiếu của DB đã có thời điểm sụt giảm 14%, đồng thời khẳng định **“Deutsche Bank đã cơ bản hiện đại hóa và tổ chức lại hoạt động kinh doanh của mình và là một ngân hàng có lợi nhuận cao và không có lý do để lo lắng”**. Sự lo ngại của giới đầu tư hướng đến DB sau vụ việc “giải cứu chớp nhoáng” của chính phủ Thụy Sĩ phần lớn mang tính chất tâm lý nhiều hơn so với kết quả kinh doanh khởi sắc của ngân hàng lớn nhất nước Đức. Tuy nhiên, các tài sản phái sinh có rủi ro tín dụng đối tác DB đang quản lý vẫn rất lớn, bên cạnh giá trị các hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng (CDS) các kỳ hạn vẫn đang ở mức cao mặc dù đã có sự suy giảm – điều này vẫn tiềm ẩn rủi ro đổ vỡ có thể xuất hiện trong tương lai khi các điều kiện kinh tế chưa có nhiều dấu hiệu khởi sắc, tình trạng lạm phát và môi trường lãi suất cao vẫn đang tiếp tục duy trì. Bên cạnh đó, CEO Christian Sewing – người bắt đầu sự nghiệp tại DB từ 1989 - sẽ cam kết chấm dứt các vụ bê bối và cải thiện mối quan hệ của ngân hàng với các cơ quan quản lý tuy nhiên sẽ còn cần rất nhiều thời gian để DB có thể gây dựng lại uy tín của mình mặc dù kết quả kinh doanh của DB đã có sự cải thiện đáng kể trong những năm gần đây.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Liệu Deutsche Bank có trở thành Credit Suisse tiếp theo?

Đồ thị 06: Giá trị tài sản phái sinh không có rủi ro tín dụng một số ngân hàng đầu tư



*Ghi chú: Đơn vị nghìn tỷ USD

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

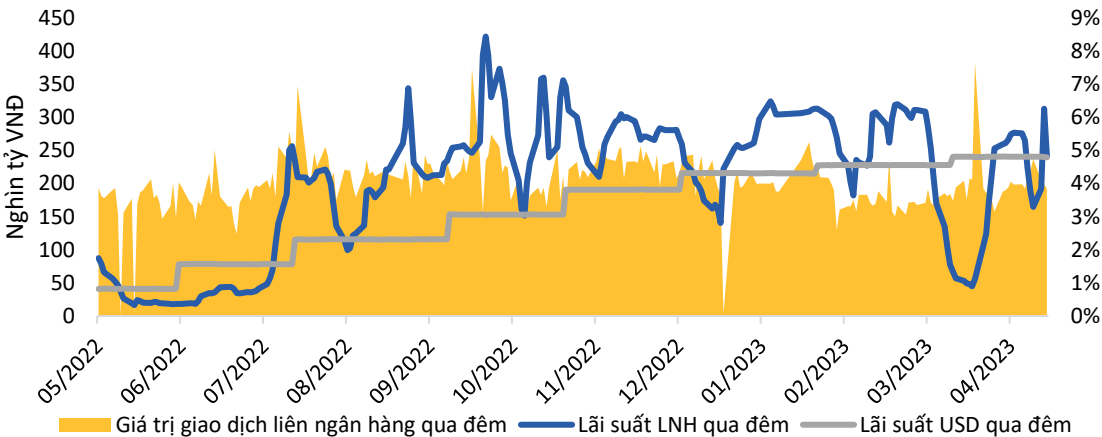
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 10	6/3/2023	10/3/2023	124,881.99	95,623.96	-29,258.03
Tuần 11	13/3/2023	17/3/2023	34,238.39	86,704.95	52,466.56
Tuần 12	20/3/2023	24/3/2023	2,118.67	215.50	-1,903.17
Tuần 13	27/3/2023	31/3/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 14	3/4/2023	7/4/2023	0.00	4,398.93	4,398.93
Tuần 15	10/4/2023	14/4/2023	986.48	66,781.34	65,794.86
Tuần 16	17/4/2023	21/4/2023	29,591.92	7,285.88	-22,306.04
Tuần 17	24/4/2023	28/4/2023	6,819.29	23,920.82	17,101.53

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	4.97%	5.09%	5.19%	5.53%	6.69%	8.42%	8.75%
So với tuần trước	0.50%	0.47%	0.17%	-0.44%	-0.42%	-0.02%	-0.26%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	198,694.00	2,758	8,573	2,160	2,306	159	59
So với tuần trước	-5.74%	-76.81%	149.89%	-37.12%	16.45%	198.25%	1190%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 26/04/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 17, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV đã thực hiện mua 23.9 nghìn tỷ giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 17.10 nghìn tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 4.97%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 198.70 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: Hồi phục từ 1,030 điểm, VN-Index trở lại giữa kênh giá tích lũy

Đồ thị ngày: Đà giảm điểm của VN-Index trong cả tháng 4 có dấu hiệu kết thúc với cây nến tăng điểm cuối tuần vượt kênh giá giảm. Nếu như 2 phiên đầu tuần là những cây nến thân dài cho thấy tâm lý bán dứt khoát rút tiền tiền trước kỳ Nghỉ Lễ thì 2/3 cây nến cuối tuần lại cho thấy tâm lý mua vào chiếm ưu thế. Phân kỳ dương giữa VN-Index và MACD, RSI đã giúp thị trường có phiên hồi phục ngày 26/4. Các chỉ báo kỹ thuật ở mức trung bình chưa ủng hộ cho một xu hướng rõ ràng.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng trở lại từ 40 lên 48 điểm.
- MACD nằm dưới đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng nhẹ 6% so tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA20, 50 và SMA100.

Nhận định: Phiên tăng điểm cuối tuần đã kéo VN-Index trở lại trung tâm của kênh biến động ngắn hạn 1,050 điểm $\pm$ 30 điểm. VN-Index vẫn nằm dưới các đường trung bình động SMA20, 50 và 100 tuy nhiên chỉ số bật lên từ 1,030 điểm tiếp tục cho thấy diễn biến tích lũy với đáy cao dần vẫn đang hiện hữu. Phiên tăng điểm cuối tuần mang tính kỹ thuật và không đồng nghĩa với khả năng hồi phục mạnh sau kỳ nghỉ do vùng giá hiện tại đang tích lũy một lượng cổ phiếu lớn. Chỉ số tiếp tục dự báo hồi phục nhẹ và chưa thoát khỏi diễn biến giằng co trong kênh giá tích lũy. Vùng giá cao từ 1,080 – 1,100 là vùng chốt lãi trong khi vùng giá thấp 1,020 – 1,030 điểm là vùng mua vào cho giao dịch ngắn hạn.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Hoa Kỳ: GDP tăng trưởng 1.1% trong quý 1*

VIỆT NAM:

- Chính Phủ: Yêu cầu tiếp tục nghiên cứu giảm lãi suất, xem xét thêm chính sách mới, đột phá cho bất động sản, trái phiếu... tìm cách cung tiền ra hợp lý, hiệu quả và đúng địa chỉ để thúc đẩy tăng trưởng.
- UBTVQH: Đề nghị hoàn thiện quy định về sàn giao dịch bất động sản, cần quy định rõ về hợp đồng kinh doanh, dịch vụ bất động sản.
- Thủ tướng: yêu cầu Bộ Tài chính sớm hoàn thiện hồ sơ, phương án giảm 2% thuế VAT, giảm tiền thuê đất... để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
- Chủ tịch nước: nêu mục tiêu đến năm 2030 có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt từ 60 đến 65%.
- Chính phủ: ban hành Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025.
- Chính phủ: ban hành ban hành Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 23/4/2023 về giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng.
- NHNN: ban hành Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn
- NHNN: ban hành Thông tư số 03/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp
- NHNN: chiều 25/04 đã tổ chức Hội nghị về công tác tín dụng và triển khai Thông tư 02/2023TT-NHNN, 4 ngân hàng TMCP Nhà nước đã đồng thuận cao về chủ trương giảm mặt bằng lãi suất trong thời gian tới.
- NHNN: chỉ đạo các TCTD tiếp tục dành vốn tín dụng cho các dự án BĐS đủ điều kiện pháp lý, có khả năng tiêu thụ sản phẩm,...Đồng thời, kiểm soát rủi ro đối với phân khúc BĐS cao cấp đang dư thừa nguồn cung, có tính chất đầu cơ BĐS, làm giá, lũng đoạn thị trường.
- UBCKNN: sẽ tiếp tục rà soát hoàn thiện khung pháp lý và Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030. Các Sở giao dịch đang tích cực kiểm thử hai hệ thống công nghệ là hệ thống KRX và hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.
- Quy hoạch điện VIII: cần có cách tiếp cận mới, trong đó có các yếu tố động và mở. Quy hoạch phải đảm bảo yêu cầu tổng thể, đồng bộ, an ninh năng lượng cho nền kinh tế... theo thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà
- OECD: dự báo nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng vững chắc, với GDP ở mức 6.5% vào năm 2023 và 6.6% trong năm 2024.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: GDP tăng trưởng 1.1% trong quý 1, thấp hơn kỳ vọng 2% của các chuyên gia kinh tế và cũng thấp hơn nhiều so với mức 2.6% của quý trước
- Hoa Kỳ: Chỉ số PCE tăng 4.2%, cao hơn kỳ vọng 3.7%. Loại bỏ thực phẩm và năng lượng, PCE lõi tăng trưởng 4.9%, cao hơn mức tăng 4.4% trước đó.
- Hoa Kỳ: Nhà đầu tư lo chính phủ Hoa Kỳ vỡ nợ, chi phí bảo hiểm rủi ro lên cao nhất kể từ 2008. Khối nợ đã vượt quá trần nợ là 31,400 tỷ USD tuy nhiên các biện pháp của Bộ Tài chính có thể kéo dài thời hạn vỡ nợ tới khoảng T06/2023. Các cuộc đàm phán nhằm nâng trần nợ vẫn đang bế tắc.
- Hoa Kỳ: Người dân đã rút hơn 100 tỷ USD khỏi First Republic giảm 102 tỷ USD trong quý 1/2023, sau vụ sụp đổ của hai nhà băng Silicon Valley Bank và Signature Bank.
- Hoa Kỳ: cán cân thương mại T3 thâm hụt 84.6 tỷ USD, thấp hơn so với mức ước tính và đây là mức thâm hụt thấp nhất kể từ T11.2022.
- First Republic Bank: giá trị thị trường giảm xuống dưới 1 tỷ USD, giảm gần 40%. Bên cạnh đó, báo cáo thu nhập của First Republic làm dấy lên lo ngại về một cuộc khủng hoảng ngân hàng.
- Fed: sẽ công bố đánh giá nội bộ về quá trình giám sát đối với SVB, một trong những ngân hàng lớn nhất Thung lũng Silicon vừa tuyên bố phá sản hồi tháng Ba vừa qua, vào ngày 28/4.
- S&P Global Market Intelligence: Hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng (CDS) kỳ hạn 5 năm tăng lên mức cao nhất trong 13 năm trong bối cảnh lo ngại chính phủ Hoa Kỳ có thể đạt trần nợ sớm hơn dự kiến.
- Nga: Chính phủ đang xem xét cắt giảm trợ cấp (khoảng 26 tỷ USD) cho các công ty dầu mỏ của quốc gia
- Trung Quốc: dự định bơm hơn 7 tỷ USD để nâng cấp chuỗi cung ứng chip do các lệnh hạn chế từ Mỹ, thông qua các gói trợ cấp và đầu tư của Chính phủ theo sáng kiến Made in China 2025.
- Thế giới: 68 tỷ USD bị rút khỏi Credit Suisse chỉ trong quý 1 năm 2023 khi Credit Suisse rơi vào cuộc khủng hoảng sau sự sụp đổ của SVB và Signature Bank.
- Nhật Bản: Doanh số bán lẻ Nhật Bản trong tháng 03 vượt mức dự kiến với dữ liệu +0.6% (MoM) và +7.2% (YoY).

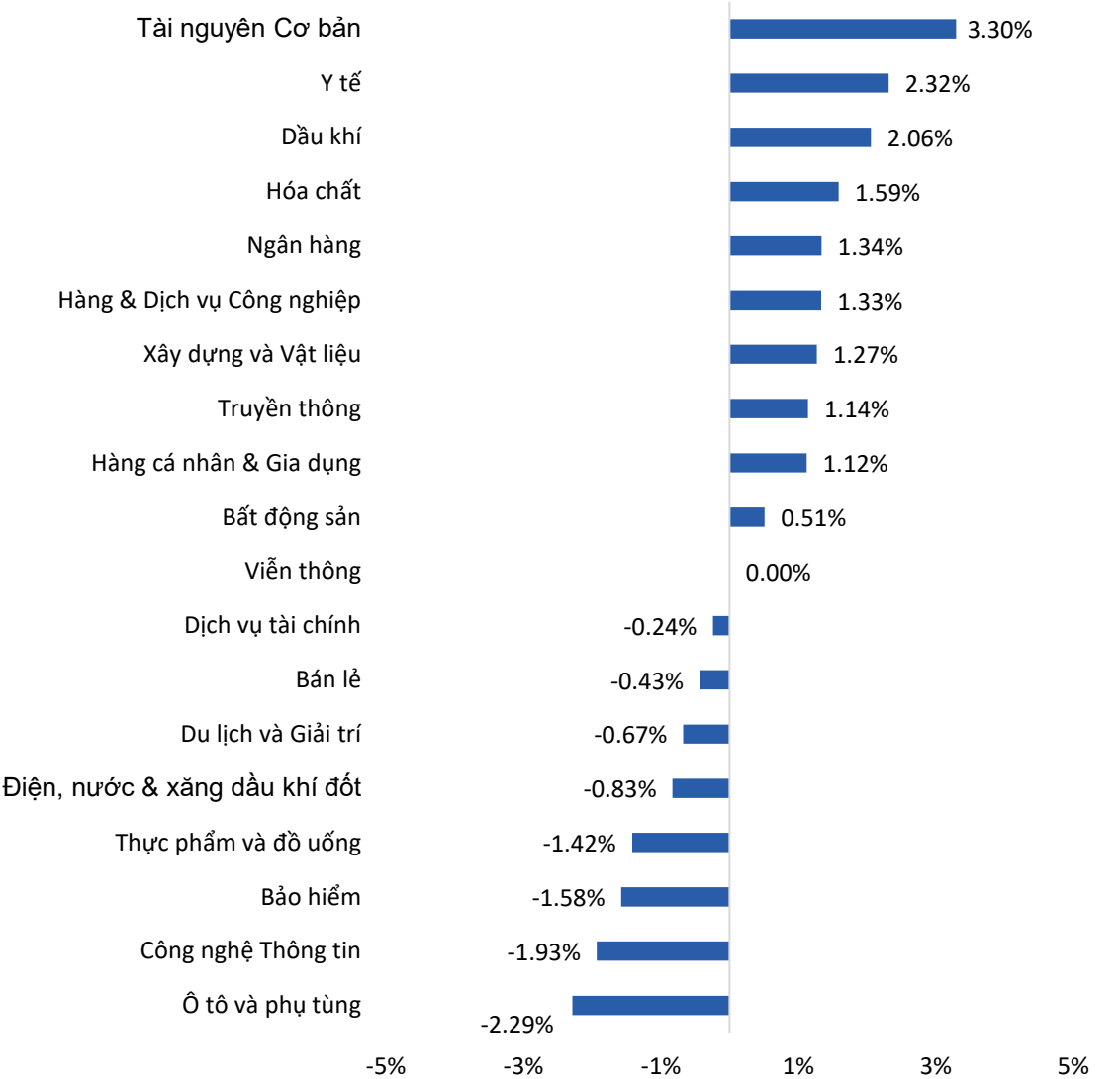
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Mùa hợp ĐHCĐ, công bố dự kiến KQKD quý I
- 1/5, PMI Nhật Bản, Canada, Trung Quốc và Hoa Kỳ. 2/5, Lãi suất NHTW Australia; CPI và PMI EU. 3/5, PMI Trung Quốc; PMI dịch vụ EU và Hoa Kỳ; Thay đổi bản lương phi nông nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 4/5, FED công bố lãi suất cuộc họp tháng 5, biên bản chính sách tiền tệ FOMC và ECB; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 5/5, Biên bản chính sách tiền tệ Australia; Cán cân thương mại Trung Quốc; Doanh thu bán lẻ EU; Tỷ thất nghiệp Canada,

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Tài nguyên Cơ bản	-0.26%	3.30%	2.85%	HPG	4.59%		
Y tế	-0.05%	2.32%	7.61%	DBD	4.10%	PME	0.38%
Dầu khí	0.35%	2.06%	3.56%	PLX	1.90%	GAS	-2.73%
Hóa chất	0.28%	1.59%	3.04%	DRC	2.96%	DGC	-0.96%
Ngân hàng	0.55%	1.34%	-1.10%	VCB	3.43%	VPB	2.31%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	76.78	2.70%	-1.40%	5.01%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	80.33	2.70%	-1.39%	3.01%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	253.01	1.50%	-1.76%	-1.90%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,990.00	0.11%	0.35%	0.83%		PNJ
Bạc	USD/oz.	25.05	0.51%	-0.12%	7.37%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,419.25	1.10%	-2.05%	-2.17%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	633.75	0.72%	-5.83%	-11.52%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.28	-0.97%	-4.05%	-6.44%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	208.10	0.24%	-0.95%	-0.10%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	26.35	0.00%	8.26%	26.50%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	185.95	-1.20%	-2.87%	7.49%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,595.50	0.10%	-2.26%	-4.11%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,683.00	-1.21%	-1.60%	-9.91%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,356.00	1.60%	-1.69%	-0.32%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	715.00	-0.83%	-1.31%	-10.74%		HPG
Than đá	USD/MT	187.60	-0.48%	-4.04%	-6.22%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	540.81	-0.97%	-2.18%	-10.96%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VCB	3.43%	3.55
HPG	4.59%	1.38
VPB	2.31%	0.76
TCB	2.79%	0.70
TPB	5.54%	0.50
MBB	2.22%	0.45
GVR	2.98%	0.45
SSB	2.73%	0.43
NVL	5.15%	0.34
CTG	0.87%	0.30

Tổng 8.88

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
GAS	-2.73%	-1.25
MSN	-4.32%	-1.18
BID	-1.58%	-0.89
VHM	-1.59%	-0.87
VIC	-1.14%	-0.57
FPT	-2.27%	-0.49
VNM	-1.27%	-0.47
BVH	-4.16%	-0.36
MSB	-4.86%	-0.30
OCB	-3.99%	-0.22

Tổng -6.61

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	373.09	1.24
MSB	344.66	
VCB	125.46	23.55
STB	53.13	25.77
SAB	52.23	62.56
VPB	46.59	17.61
DXG	35.65	20.42
KDH	25.07	36.53
DGW	25.02	22.44
PAN	22.83	17.73

Tổng 1,103.73

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
VIC	-136.93	12.82
VHM	-104.69	24.31
BMP	-84.57	83.44
VNM	-80.09	55.47
SSI	-79.86	
DGC	-62.93	15.59
MSN	-55.19	30.31
KBC	-46.42	19.66
VRE	-43.47	33.03
WSB	-40.90	19.84

Tổng -735.05

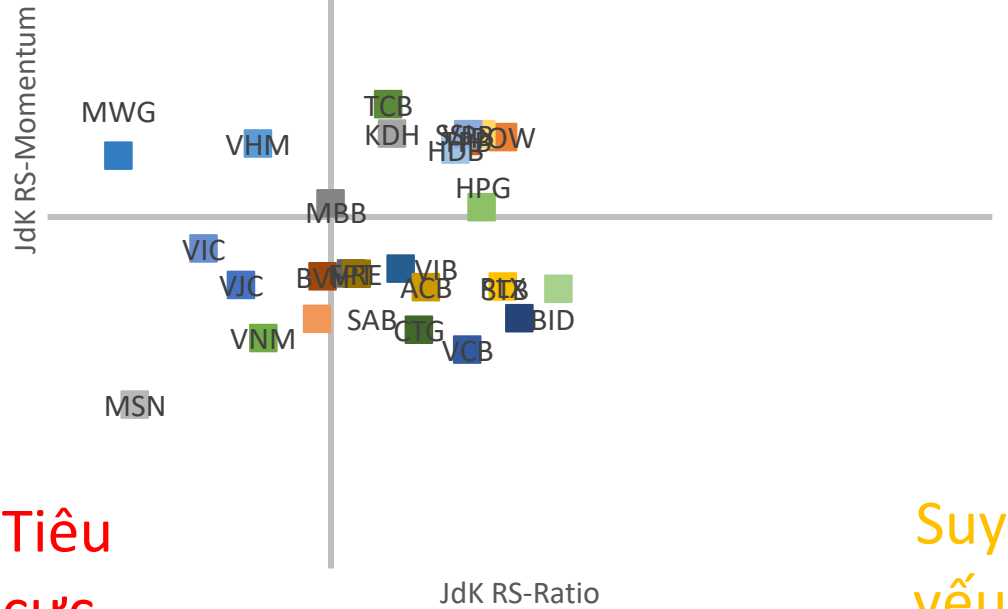
Vận động cổ phiếu VN30

POW	108.9376	102.8206	7.82%
KDH	102.8822	102.5541	10.58%
HPG	107.9135	100.4607	2.61%
TPB	106.4796	102.1104	14.82%
TCB	102.2319	103.0695	8.86%
HDB	106.5156	102.3971	4.16%
SSI	107.3654	102.3964	9.11%
VPB	106.3744	101.7322	9.04%
VHM	94.95011	100.7638	2.91%
PDR	58.53308	118.1157	25.78%
NVL	43.32605	121.8259	-4.35%
MWG	88.24451	101.3496	-7.76%
MBB	99.67948	100.113	-0.81%
GVR	99.57548	105.1353	11.07%
PLX	110.2137	98.9592	-1.19%
VIB	104.1011	98.88113	3.85%
BVH	100.4989	98.9233	-7.42%
FPT	101.6195	98.51142	-3.25%
VRE	101.7481	98.35109	-5.14%
BID	111.5308	98.07219	-2.03%
CTG	105.8003	97.13825	-1.03%
SAB	100.0342	97.34522	-9.90%
ACB	105.7403	98.3159	1.26%
VCB	108.3948	96.65767	-3.21%
STB	112.5741	98.01166	-2.88%
VJC	95.51271	97.75219	-11.09%
VNM	97.29376	96.48984	-7.04%
MSN	90.95494	94.72399	-21.31%
VIC	93.48335	99.0484	-2.43%
GAS	96.68846	98.255	-12.37%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	90.5	0.56%	0.86	18,621.42	2.75	7,311.00	12.38	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	43.5	-0.91%	1.02	9,567.21	0.79	4,208.00	10.34	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	19.9	2.58%	1.16	5,808.38	7.35	3,972.00	5.01	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	29.5	-1.34%	1.38	4,511.24	3.20	14,982.00	1.97		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	18.45	0.27%	1.43	3,637.05	3.53	14,982.00	1.23	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	25.3	0.60%	1.32	2,073.74	7.45	4,640.00	5.45	31,200	30.00%	Link
GVR	Ngân hàng	15.55	0.65%	1.10	2,704.35	0.98	4,603.00	3.38	19,100	23.23%	Link
KBC	Ngân hàng	25.8	3.61%	1.63	861.05	10.18	4,880.00	5.29	29,800	29.17%	Link
IDC	Chứng khoán	38.6	1.31%	1.69	553.83	2.14			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	33.35	0.91%	1.56	650.11	0.65	1,217.00	27.40		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.65	-0.23%	1.00	5,473.48	14.78	1,916.00	11.30	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	49.5	4.21%	0.87	9,371.36	2.43	1,896.00	26.11	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	28	2.59%	1.14	2,736.66	3.38	5,227.00	5.30	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	29.8	3.65%	0.40	928.76	2.16	1,576.00	18.91	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	33.4	6.71%	1.52	557.75	7.86	2,557.00	13.06	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	51.5	-0.19%	1.50	850.37	3.35	14,120.00	3.65	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	33.6	-0.15%	1.32	571.69	1.74	6,793.00	4.95	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	23.7	0.21%	0.80	545.51	0.99	2,625.00	9.03	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	92.8	0.65%	0.78	7,722.37	0.65	2,292.00	40.49	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	37.45	0.00%	1.13	2,068.86	0.57	1,340.00	27.95	45,000	20.38%	Link
PVS	Tiện ích	25.3	1.20%	1.33	525.76	2.27	993.00	25.48	33,000	6.25%	Link
PVD	Tiện ích	20.95	0.96%	1.52	506.33	2.14	7,698.00	2.72	26,000	49.00%	Link
POW	Tiêu dùng	13.1	1.95%	1.16	1,333.85	3.50	3,895.00	3.36	14,500	55.81%	Link
VNM	Tiêu dùng	70	0.72%	1.20	6,360.73	3.40	2,605.00	26.87	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	73.1	1.11%	1.13	4,524.97	1.94	3,456.00	21.15	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	39.2	1.42%	1.26	2,494.10	4.27	7,475.00	5.24	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	77	1.72%	0.74	1,098.09	1.36	2,965.00	25.97	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	60.3	0.84%	1.22	480.77	1.25	12,800.00	4.71	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	52.6	-2.41%	0.71	689.24	4.01	7,059.00	7.45	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	77.5	-1.02%	0.78	3,696.50	3.21	5,901.00	13.13	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	28.85	1.76%	1.22	6,028.08	5.47	3,490.63	8.26	1.29	28.05%	16.74%
ACB	Ngân hàng	24.2	0.21%	1.13	3,553.65	10.29	4,052.84	5.97	1.40	30.00%	26.49%
HDB	Ngân hàng	18.8	-1.05%	0.96	2,055.95	0.97	3,089.28	6.09	1.28	19.47%	23.49%
LPB	Ngân hàng	14	-1.41%	1.58	1,052.50	3.07	2,732.22	5.12	0.96	4.73%	19.91%
VIB	Ngân hàng	20.5	1.23%	1.32	1,878.58	3.76	4,014.31	5.11	1.32	20.50%	29.39%
VND	Chứng khoán	14.9	2.41%	2.10	788.94	8.43	1,002.73	14.86	1.25		10.03%
TPB	Ngân hàng	23.8	3.25%	1.15	1,636.77	8.26	4,030.07	5.91	1.12	30.00%	20.89%
SSI	chứng khoán	21.55	1.89%	1.76	1,404.63	15.53	1,455.58	14.81	1.44		9.34%
CII	Xây dựng	14.45	1.76%	1.79	158.46	3.51	2,871.60	5.03	0.68	9.80%	13.61%
C4G	Xây dựng	11.6	0.00%	2.06	121.15	1.54	790.73	14.67	1.06	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	59	-0.51%	1.82	189.47	1.76	183.95	320.73	0.53	49.09%	0.16%
HHV	Xây dựng	12.85	-0.39%	1.63	171.97	1.56	983.26	13.07	0.55	3.56%	3.86%
LCG	Xây dựng	12	0.00%	2.05	96.88	1.76	995.53	11.80	0.88	3.39%	7.65%
BCM	KCN	78.7	0.25%	0.92	3,541.50	0.09	1,170.44	67.24	4.81	2.80%	10.21%
HUT	KCN	16.1	1.90%	1.51	244.04	0.61	414.67	38.83	1.44	2.04%	3.74%
PHR	KCN	41.25	0.98%	1.43	243.01	0.52	6,038.56	6.83	1.59	14.55%	24.10%
SZC	KCN	32.55	0.93%	1.83	141.52	1.64	1,323.36	24.60	2.11	3.24%	8.95%
HSG	Vật liệu	15.5	1.31%	2.11	403.04	5.48	(1,776.20)		0.91	16.88%	-9.96%
HT1	Vật liệu	13.75	1.48%	1.48	228.12	0.19	386.12	35.61	1.05	3.45%	2.89%
NKG	Vật liệu	14.55	0.34%	2.24	166.55	1.97	(473.59)		0.72	12.27%	-2.26%
PTB	Vật liệu	43.8	0.69%	1.00	129.57	0.45	7,161.81	6.12	1.11	13.65%	19.46%
KSB	Vật liệu	24.7	0.20%	1.71	81.94	1.34	1,713.77	14.41	0.97	7.63%	7.01%
NVL	BĐS	14.3	1.42%	0.96	1,212.46	12.22	1,114.35	12.83	0.74	6.21%	5.97%
DXG	BĐS	13.5	2.27%	2.19	358.06	12.55	367.07	36.78	0.89	20.27%	2.41%
HDC	BĐS	34.95	1.45%	1.42	164.24	2.75	3,758.86	9.30	2.05	1.44%	25.40%
DIG	BĐS	18.7	6.86%	2.49	495.84	27.21	236.33	79.13	1.51	5.86%	1.92%
IJC	BĐS	13.9	1.83%	2.12	152.19	1.44	1,661.89	8.36	0.89	5.91%	11.25%
PVT	Dầu khí	20.4	0.25%	1.29	287.06	1.30	2,649.01	7.70	1.10	17.30%	15.31%
PLC	Dầu khí	31.4	-0.63%	1.83	110.31	0.44	1,447.49	21.69	2.06	0.91%	8.99%
DRC	Săm lốp	20.9	3.21%	1.31	107.95	0.34	2,246.06	9.31	1.32	8.22%	14.36%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
REE	Tiện ích	66.5	3.26%	0.81	1,027.58	3.14	7,721.35	8.61	1.49	49.00%	18.57%
GEX	Tiện ích	13.15	0.00%	1.83	486.83	3.29	432.99	30.37	0.93	11.91%	3.06%
NT2	Tiện ích	31.55	4.30%	0.77	394.89	1.86	3,244.99	9.72	1.99	15.98%	20.92%
HDG	Tiện ích	33.7	2.43%	1.52	358.40	2.41	4,494.51	7.50	1.55	20.73%	22.74%
PC1	Tiện ích	28.5	1.06%	1.29	335.10	3.61	1,700.59	16.76	1.51	8.40%	9.37%
GEG	Tiện ích	16	0.00%	1.07	223.96	1.72	1,193.15	13.41	1.42	46.47%	8.08%
BCG	Tiện ích	8.37	-2.33%	2.11	194.14	5.29	774.00	10.81	0.67	2.01%	6.84%
BSR	Dầu khí	16.1	0.63%	1.60	2,170.35	2.02	4,750.00	3.39	0.97	41.13%	33.16%
SAB	Bán lẻ	172	-1.15%	0.17	4,795.67	0.57	7,649.00	22.49	4.58	62.56%	22.07%
QNS	Bán lẻ	42.5	0.47%	0.50	659.56	0.32	4,226.00	10.06	1.72	19.38%	17.50%
FRT	Bán lẻ	63.8	0.16%	1.36	328.63	1.44	3,295.33	19.36	3.76	29.39%	21.27%
DGW	Bán lẻ	34.3	2.85%	1.68	249.16	2.58	3,396.50	10.10	2.34	22.48%	32.77%
DBC	Bán lẻ	15	-5.18%	2.00	154.14	8.03	21.91	668.67	0.76	5.88%	0.11%
PET	Bán lẻ	24.8	1.64%	2.36	106.55	0.94	1,025.57	24.18			6.22%
BAF	Bán lẻ	20.4	-0.73%		127.30	1.39	1,944.33	10.49	1.69	0.11%	18.02%
ANV	Thủy sản	32.35	0.78%	1.66	187.25	1.49	4,368.00	7.41	1.42	6.77%	20.07%
VSC	Logistics	28.15	-0.35%	0.46	148.42	0.21	2,086.56	13.49	1.30	3.02%	9.43%
HAH	Logistics	41	0.00%	1.06	125.40	2.40	9,072.47	4.52	1.20	8.48%	34.36%
CTR	Công nghệ	66.5	0.76%	1.30	330.72	0.60	3,871.93	17.17	4.68	10.98%	30.17%
TNG	Dệt may	19.7	0.51%	1.70	90.04	2.22	2,846.88	6.92	1.27	14.13%	18.96%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký